

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ -ST
Ngày 26-01-2018
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phúc Ân và bà Vũ Thị Minh Hằng .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT: Khu Thị tứ, xã LL, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 40, đường ĐK, khu dân cư TH 3, phường S, thị xã CC, tỉnh Hải Dương.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H, sinh năm 1975.

Đại chỉ: Khu Thị tứ, xã LL, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

(Chị Trang có mặt tại phiên tòa, anh Hồng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn và bị đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 18.7.1996 có đăng ký kết hôn tại UBND xã LL, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới anh chị về sinh sống tại khu Thị Tứ, xã LL. Theo chị Tr vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, theo anh Hồng vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 7(âm lịch) năm 2017. Nguyên nhân chính là do cả hai vợ chồng đều nghi ngờ nhau không chung thủy. Mặt khác anh H thường xuyên uống rượu về nhà đánh chị, kể cả trước mặt hai con. Chị đó nhiều lần khuyên bảo anh H nhưng anh H không nghe. Ngoài ra vợ chồng vay tiền làm kinh tế nhưng không kinh doanh được do đó vợ chồng liên tục cãi nhau. Hiện tại chị Tr và anh H đó ly thân

hơn 06 tháng nay không còn quan tâm đến nhau. Trong thời gian này mặc dù anh H cũng có gọi điện tìm đón và cũng có đến nhà bố mẹ đẻ chị Tr để tìm đón chị về đoàn tụ nhưng chị Tr xác định không còn tình cảm vợ chồng nên không về mà tìm cách trốn không gặp anh H. Nay chị Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Anh H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng từ đó lạnh nhạt, bản thân anh H cũng không có biện pháp nào để hòa giải và cải thiện quan hệ vợ chồng. Nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị Tr vì anh muốn chị Tr phải về để giải quyết việc gia đình xong mới giải quyết tại tòa án và vì con chung có nguyện vọng ở với chị Tr.

Về con chung: Chị Tr và anh H đều xác định vợ chồng có hai con chung là Phạm Duy H, sinh ngày 11/7/1997 và Phạm Duy Nh, sinh ngày 28/10/2005. Nếu vợ chồng ly hôn, đối với con chung Phạm Duy H, sinh ngày 11/7/1997 đã trưởng thành trên 18 tuổi khỏe mạnh bình thường chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Tr và anh H đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Duy Nh, sinh ngày 28/10/2005 và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng tùy nguyện vọng của con chung, cháu có nguyện vọng ở với ai thì đề nghị tòa án giao con cho người ấy.

Về tài sản chung: Chị Trang và anh Hồng đều trình bày thống nhất vợ chồng có tài sản chung là nhà đất và một số tài sản khác tại khu thị tứ LL nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị và anh H đã tự thỏa thuận phân chia được, chị đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, tòa án thị xã C đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết nên chị Tr và anh H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H, anh H đã biết việc Tòa án thụ lý và đang giải quyết vụ án nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Chị Tr giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh H, đề nghị giao cháu Phạm Duy Nh, sinh ngày 28/10/2005 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Về tài sản chung chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr ly hôn anh Phạm Văn H.

Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Phạm Duy Nh, sinh ngày 28/10/2005 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Đối với con chung Phạm Duy H, sinh ngày 11/7/1997 đã trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết

Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn H có địa chỉ cư trú tại xã LL, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LL, thị xã C nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh chị không tin tưởng nhau, đều nghi ngờ nhau không chung thủy, mặt khác kinh tế vợ chồng khó khăn làm nảy sinh mâu thuẫn và có những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng nhau. Anh H có nhiều lần uống rượu và đánh chửi chị Tr. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân từ tháng 8 năm 2017 đến nay và anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh H cũng không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, anh H không đến tham gia hòa giải tại tòa án. Việc anh H không đồng ý ly hôn là không chính đáng nhằm gây khó khăn cho chị Tr Do vậy yêu cầu ly hôn của chị Tr phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Đối với con chung Phạm Duy H, sinh ngày 11/7/1997 đã trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh bình thường chị Trang và anh Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Đối với con chung Phạm Duy Nh, sinh ngày 28/10/2005 chị Tr và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của cả hai anh chị là chính đáng. Từ khi vợ chồng anh chị ly thân đến nay cháu Nh có lúc ở với chị Tr, có lúc ở với anh H. Cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Hiện cháu phát triển khỏe mạnh bình thường.

Chị Tr làm việc tại công ty cổ phần xây dựng vận tải Hữu Bình với thu nhập trung bình khoảng 5 triệu đồng/tháng. Thời gian làm việc giờ hành chính nên chị có thời gian chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Mặt khác bố mẹ đẻ chị Tr đã nghỉ hưu tại nhà có nhiều thời gian chăm sóc cháu giúp chị Tr. Tại phiên tòa anh H vắng mặt do đó đề nghị của anh H giao con chung là cháu Nh cho anh trực tiếp nuôi dưỡng là không hợp lý, không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao con chung cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Tr tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị, đây là ý chí tự nguyện của chị nên cần phải được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: : Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tr:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tr ly hôn anh Phạm Văn H.
- Về con chung: Xử giao con chung là Phạm Duy Nh, sinh ngày 28/10/2005 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Trang. Còn đối với con chung Phạm Duy H, sinh ngày 11/7/1997 đã trên 18 tuổi, trưởng thành khỏe mạnh bình thường chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Anh Phạm Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Tr phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000220 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Chị Nguyễn Thị Tr đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn H vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Các đương sự;
- UBND xã LL, thị xã C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng